



SỰ NÓI TIẾP CÁC THỂ HỆ NHÀ VĂN 40 NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM, TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN HỘI NHẬP (1986 - 2026)

Phong Lê¹, Nguyễn Hoa Bằng^{2*}

¹Viện văn học Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

²Trường Đại học Cửu Long

*Email: nguyenhoabang@mku.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.41.903>

Ngày nhận bài: 20/12/2025; Ngày phản biện: 29/12/2025; Ngày duyệt bài: 27/01/2026

TÓM TẮT

Nhìn tổng thể, văn học Việt Nam từ Đổi mới đến Hội nhập là một tiến trình vận động phức tạp, gắn liền với những biến động lớn của lịch sử dân tộc và thời đại. Từ sự “thức tỉnh” mạnh mẽ cuối thập niên 1980 đến những tìm tòi đa dạng của các thế hệ sau 1995, văn học đã mở rộng biên độ phản ánh hiện thực và từng bước tiếp cận tinh thần toàn cầu hóa. Tuy nhiên, sự tiếp nối thế hệ vẫn đặt ra nhiều trở ngại, nhất là việc hình thành một đội ngũ sáng tác trẻ đủ bản lĩnh và tri thức để tạo nên những “mùa gặt lớn” mới của văn học. Trong bối cảnh công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và không gian sáng tạo mở rộng chưa từng có, sứ mệnh ấy đang được trao cho thế hệ viết trẻ hôm nay. Tương lai của văn học Việt Nam vì thế vừa mở ra nhiều cơ hội hấp dẫn, vừa đòi hỏi một khát vọng sáng tạo gắn bó bền chặt với Nhân dân, Dân tộc và tinh thần thời đại.

Từ khóa: thời kì đổi mới, thời kì hội nhập, biên độ phản ánh hiện thực, tư duy nghệ thuật, cảm quan thẩm mỹ

ABSTRACT

Overall, Vietnamese literature from the period of Renovation (Đổi mới) to that of Integration represents a complex process of transformation closely linked to major upheavals in national and global history. From the strong “awakening” of the late 1980s to the diverse explorations of generations after 1995, literature has expanded its scope of reflecting reality, affirmed the role of the individual self, and gradually approached the spirit of globalization. However, generational continuity continues to raise concerns, particularly regarding the formation of a young creative cohort with sufficient intellectual depth and artistic resilience to generate new “bumper harvests” for literature. In the context of digital technology, artificial intelligence, and an unprecedented expansion of creative spaces, this mission is increasingly being entrusted to today’s young writers. The future of Vietnamese literature thus presents both promising opportunities and pressing demands for a creative aspiration deeply rooted in the People, the Nation, and the spirit of the times.

Keywords: Renovation period, Integration period, scope of reflecting reality, individual self, artistic thinking, aesthetic sensibility



1. Mở đầu

Bốn mươi năm kể từ Đổi mới (1986) và hơn ba mươi năm kể từ khi Việt Nam chính thức bước vào tiến trình Hội nhập (1995) là một quãng thời gian đủ dài để nhìn lại, đối chiếu và suy ngẫm về những biến chuyển sâu sắc của đời sống văn học dân tộc. Đây không chỉ là những mốc thời gian mang ý nghĩa lịch sử – chính trị, mà còn là những điểm nút quan trọng chi phối mạnh mẽ tư duy nghệ thuật, cảm quan thẩm mỹ và phương thức sáng tạo của người cầm bút. Trong dòng chảy ấy, văn học Việt Nam vừa là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử, vừa là chủ thể tham dự tích cực vào quá trình nhận thức, phản tỉnh và kiến tạo những giá trị tinh thần mới. Việc phác thảo lại diện mạo văn học Việt Nam từ Đổi mới đến Hội nhập vì thế không chỉ nhằm nhận diện thành tựu và giới hạn của một giai đoạn, mà còn để đặt ra những vấn đề có ý nghĩa định hướng cho sự phát triển của văn học trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo được triển khai trên cơ sở kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học xã hội và nhân văn.

Trước hết, phương pháp lịch sử – xã hội được sử dụng nhằm đặt văn học Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng với các bối cảnh lịch sử – chính trị – văn hóa của thời kỳ Đổi mới (từ 1986) và Hội nhập (từ 1995 đến nay), làm rõ những điều kiện khách quan chi phối sự vận động của đời sống văn học, cũng như sự hình thành và chuyển dịch của các thể hệ nhà văn qua từng giai đoạn.

Bên cạnh đó, phương pháp phân tích – tổng hợp được vận dụng để khảo sát các hiện tượng, khuynh hướng và gương mặt tiêu biểu của từng thế hệ sáng tác, từ đó khái quát những đặc điểm nổi bật về tư duy nghệ thuật, cảm quan thẩm mỹ và vị thế của cái tôi trong tiến trình văn học hiện đại và đương đại. Việc tổng hợp các tư liệu, tác phẩm và nhận định

phê bình giúp bài viết rút ra những nhận xét có tính hệ thống về diện mạo chung của văn học Việt Nam trong bốn mươi năm qua.

Ngoài ra, bài báo sử dụng phương pháp so sánh – đối chiếu thể hệ nhằm làm nổi bật tính liên tục và đứt gãy trong sự tiếp nối giữa các thế hệ nhà văn trước và sau Đổi mới, cũng như giữa các thế hệ sáng tác trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số. Qua đó, bài viết chỉ ra những khác biệt về điều kiện sáng tác, ý thức nghệ thuật và vai trò xã hội của người cầm bút ở từng thời đoạn.

Cuối cùng, phương pháp tiếp cận liên ngành (kết hợp văn học học với văn hóa học, xã hội học và truyền thông học) được sử dụng để lý giải những tác động của toàn cầu hóa, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đối với không gian sáng tạo, phương thức tiếp nhận và sứ mệnh xã hội của văn học đương đại. Cách tiếp cận này góp phần mở rộng góc nhìn, giúp đánh giá sự vận động của văn học Việt Nam không chỉ như một hiện tượng thẩm mỹ, mà còn như một thực thể văn hóa – xã hội đang biến đổi sâu sắc trong thời đại mới.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thế hệ nhà văn trong bối cảnh Đổi mới

Nói Đổi mới là nói thời điểm 1986 – cách đây đã gần 40 năm. Còn nói Hội nhập là nói thời điểm 1995 khi Việt Nam thoát khỏi thế cấm vận và gia nhập ASEAN – cách đây hơn 30 năm. Bốn mươi năm, hoặc ba mươi năm – nhìn vào diện mạo của lịch sử thì đó là một thay đổi hiếm có, hoặc chưa từng có. Để từ chiến tranh ngót 40 năm chuyển sang hoà bình. Từ đất nước bị chia cắt hơn 20 năm đến đất nước thống nhất. Từ giao lưu hẹp đến giao lưu rộng... Những chuyển động như thế phải nói là rất lớn. Lớn, và cũng có tầm một cuộc chuyển giao tựa như chuyển giao từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, đưa đất nước từ trạng thái phong bế, lạc hậu vào một cuộc Canh tân. Lớn như Cách mạng tháng Tám 1945 làm thay đổi chế độ xã hội. Tiếp tục thành



quả của Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến, Đổi mới - đó là một cuộc lên đường mới của dân tộc để rút ngắn những so le lịch sử giữa dân tộc và thời đại. Một cuộc lên đường, mới chỉ được khởi động sau khi kết thúc chiến tranh và thế giới tan băng...

Trước một chuyển động lớn như thế trong 40 năm, thì sao văn học lại không thay đổi được? Nó buộc thế và nó phải thế, chứ không thể khác. Không những văn học phải chuyển động mà còn phải góp phần dự báo, phải là người tiên trạm. Cuộc dự báo và những người tiên trạm ấy đã xuất hiện trong suốt thập niên 1980, sau hơn 5 năm kết thúc chiến tranh; và lần sang nửa đầu thập niên 1990, cho đến 1995, với những tên sách, tên người như Đứng trước biển, Cù lao Tràm của Nguyễn Mạnh Tuấn; Gặp gỡ cuối năm, Cha và con, và... của Nguyễn Khải; Đất trắng của Nguyễn Trọng Oánh; Thời xa vắng của Lê Lựu; Cuốn gia phả để lại của Đoàn Lê; Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn, của Ma Văn Kháng; Bến quê, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của Nguyễn Minh Châu; Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp; Ngoài khơi miền đất hứa của Nguyễn Quang Thân; Mảnh đất lắm người nhiều ma của Nguyễn Khắc Trường; Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh; Bến không chồng của Dương Hương... Di cảo thơ của Chế Lan Viên, Một tiếng đờn của Tố Hữu, Tự hát của Xuân Quỳnh; Hòn cuội của Nguyễn Đình Thi, Hồn Trương Ba da hàng thịt, Lời thề thứ 9, Tôi và chúng ta của Lưu Quang Vũ,... làm nên khúc dạo đầu thật tung bừng cho công cuộc Đổi mới, tính cho đến 1995... Còn từ sau 1995?

3.2. Thế hệ nhà văn thời kỳ Hội nhập

Cũng như bất cứ lĩnh vực nào khác của đời sống tinh thần, nói sự phát triển của văn học là nói đến một quá trình, với sự tiếp tục của nhiều thế hệ. Thời nào trong lịch sử cũng thế. Nhưng có điều cần lưu ý, thế kỷ XX, khác với bất cứ thế kỷ nào trước đó, là một thế kỷ có quá nhiều biến động, và là những

biến động mang tính nhảy vọt. Nếu ở đầu thế kỷ là cuộc chuyển giao từ mô hình trung đại sang mô hình hiện đại, trong bước ngoặt từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa, thì giữa thế kỷ là một cuộc cách mạng và ngót 40 năm chiến tranh nhằm giành trọn vẹn mục tiêu Độc lập, Tự do cho dân tộc; và cuối thế kỷ là một khát vọng Đổi mới, đưa đất nước vào một cuộc hội nhập lớn với nhân loại, để chuyển lên đường ray của sự phát triển. Trước những biến động lớn như thế văn học không thể đáp ứng bằng một sự phát triển tiệm tiến, bình thường, mà phải bằng những nỗ lực lớn mang tính chuyển đổi cách mạng. Để có đủ tiềm lực và hành trang cho một chuyển đổi mang tính cách mạng như thế, văn học, cũng như bất cứ lĩnh vực nào khác, kể cả kinh tế, chính trị, cần đến những lực lượng trẻ; mà nói trẻ là nói đến những thế hệ trên dưới tuổi 30, thậm chí là 20. Đó là tuổi 20 và ngót 30 của Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Bích Khê, Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Bính, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu, Tô Hoài, Anh Thơ, Tế Hanh... làm nên thành tựu mang tính nhảy vọt của thời kỳ văn học 1930-1945. Đó cũng là tuổi 20 của Phạm Tiến Duật, Đỗ Chu, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Vũ Quần Phương, Lưu Quang Vũ... Của Triệu Bôn, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Vương Anh, Y Phương, Ý Nhi, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ... Của Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Hữu Thịnh, Thanh Thảo, Nguyễn Duy... Của Nguyễn Đức Mậu, Vương Trọng, Anh Ngọc, Thanh Tùng, Thi Hoàng, Trần Nhuận Minh... làm nên thành tựu văn học thời kỳ 1960-1975. Chuyển sang thời Đổi mới, một thế hệ trẻ như thế là chưa thể xuất hiện ngay, mà phải được chuẩn bị, trong sự tiếp nối của hơn một thế hệ chuyển tiếp, kể từ Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu...; qua Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Chu Lai, Lê Minh Khuê, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Trí Huân, Khuất Quang



Thụy, Nguyễn Bảo, Trung Trung Đình, Nguyễn Trọng Tạo, Dạ Ngân, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài... Rồi Nguyễn Quang Lập, Võ Thị Hảo, Nguyễn Quang Thiều, Trần Đăng Khoa, Inrasara, Dương Thuần, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Bình Phương, Thùy Dương, Y Ban, Lương Minh Cừ, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan Thị Vàng Anh,... Một thế hệ trẻ ở tuổi ngoài 20, rồi 30, thuộc thế hệ 7X và 8X - để có thể làm nên, hoặc làm chủ gương mặt văn học sau 1995, rồi sau 2000, đó là điều chưa dễ xác định, dẫu những tên tuổi gây ấn tượng trong họ thì lúc nào cũng có, kể từ Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Bích Lan, Nguyễn Ngọc Thuần, Đỗ Thị Bích Thúy, Phan Triều Hải, Phan Hồng Nhiên, Phan Việt, Nguyễn Đình Tú, Văn Cẩm Hải, Vũ Đình Giang, Nguyễn Xuân Thủy, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Lưu Sơn Minh, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, ... Thế nhưng, nhìn trên tổng thể thì dường như sự tiếp tục này, trong tư thế một đội ngũ là chưa thật rõ lắm. Họ có thể rất đông đúc, và gây nhiều ồn ào; có thể xuất hiện hàng ngày trên báo, đài trong chủ ý tuyên truyền, quảng bá của hệ thống thông tin đại chúng; có thể gọi lạ, hoặc gây "sốc" cho người đọc, để làm cồn lên giọng chày đã có; nhưng để làm nên một giọng chày mới như các thời kỳ trước thì chưa hẳn đã có. Đó là điều, theo tôi, làm cho gương mặt văn học từ Đổi mới sang Hội nhập, trong nửa sau của nó, kể từ mở đầu thế kỷ XXI đến nay, với độ dài chẵn 25 năm còn chưa gây được một ấn tượng mạnh mẽ, vượt trội, và thật là tung bùng, ngoạn mục, trong so sánh với các mùa gặt lớn của lịch sử, và trong tương quan với thời cuộc.

Từ tình hình trên, tôi nghĩ đến một thế hệ viết mới là đại diện đích thực cho văn học tương lai – vừa là sản phẩm lại vừa là chủ thể của chính hoàn cảnh hôm nay; một thế hệ mới trong tư cách một đội ngũ, vừa làm chủ được các phương tiện thông tin, vừa tiếp cận và tiếp nhận được tinh thần và dấu ấn thời đại.

Một thế hệ không chỉ ở lứa tuổi 7X và 8X đang là chủ lực hôm nay mà phải là 9X, hoặc nửa sau 9X.

Chỉ riêng thế hệ nửa sau 8X và nửa đầu 9X, nếu theo dõi thị trường sách thì đó là cả một biển sách, mà sức tôi không thể nào bám xuể, dẫu biết chắc trong đó có rất nhiều cái hay, cái mới, cái lạ.

Phải một thế hệ như thế, với bản lĩnh cá nhân và sức mạnh của đội ngũ mới có thể đưa đời sống văn học vào một bước ngoặt mang tính cách mạng như đã từng diễn ra vào nửa đầu thế kỷ XX; và đang tiếp tục được đón đợi, với quy mô và tầm vóc lớn hơn, vào nửa đầu thế kỷ XXI; tôi tin tưởng là thế.

Và với thế hệ đó, mọi đường biên hoặc đường viền cho văn học dường như đang được nới rộng ra, và được đẩy xa hơn về phía trước, khiến cho viễn cảnh của nó bỗng trở nên mơ hồ, khó hình dung, nhưng do thế mà càng hấp dẫn.

3.3. Thế hệ nhà văn toàn cầu hóa hôm nay

Trở về với thời điểm hôm nay, khi mà trách nhiệm lịch sử đang được chuyển sang thế hệ 8X và 9X, gần như số rất lớn đều không mang Thẻ hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Đó là thế hệ mà chiến tranh và chủ nghĩa xã hội, rồi chủ nghĩa xã hội thời hậu chiến, chỉ còn là một hồi quang qua ký ức của người thân và sách vở.

Nói cách khác họ được hưởng một bầu khí quyển khác, để có thể tuyệt đối yên tâm trong cốt cách của mình, trong mục tiêu đi tìm cái riêng, cái cá nhân, cái khác biệt cho mình. Họ đã hết bị vướng víu bởi cái Ta hoặc cái Chúng ta như bao thế hệ cha ông, qua nhiều chục năm, do áp lực của các loại cộng đồng lớn nhỏ khiến cho cái Tôi riêng không chỉ là nhỏ bé, mà còn trở nên cô đơn, lạc loài... Bây giờ thì bất cứ ai cũng đều có quyền thỏa sức đi tìm cái riêng, cái khác, cái để được là mình. Vấn đề là cái riêng ấy có va chạm, xung khắc hoặc đối nghịch gì với



cộng đồng, những cộng đồng khó tránh như Tổ quốc, như Nhân dân, mà những người mang danh hoặc nhân danh là nhà văn, văn cần và càng cần sự gắn bó.

Cuối cùng, nhìn tổng thể văn đàn thế kỷ XX, trước và sau cột mốc lịch sử 1986 - đó là sự tiếp nối và đồng hành của dăm bảy thế hệ viết - kể từ bút lông, sang bút sắt (hoặc bút bi) đến bàn phím; và bây giờ là thời thống trị tuyệt đối của bàn phím. Trong một thế giới đang được kết nối, và với vai trò con người cá nhân nổi lên bên cạnh vai trò của các quốc gia, các cộng đồng dân cư, mỗi cá nhân có thể vươn ra toàn cầu theo cách riêng của mình để sáng tạo, thông qua hàng loạt phương tiện mới của “thế giới phẳng” như công cụ tìm kiếm (google), phần mềm xử lý công việc (work flowe), khả năng tải lên mạng (uploading), từ điển wikipedia, trí tuệ nhân tạo AI; với những khả năng như thế cho bất cứ ai làm chủ được phương tiện thông tin thì mọi yêu cầu gọi bằng “cởi trói” cho tự do sáng tạo, cho khát vọng của cá nhân sẽ trở thành câu chuyện thừa. Trong một thế giới như thế, văn học cũng như mọi lĩnh vực hoạt động tinh thần khác cũng phải biến đổi; và sứ mệnh đó đang được giao cho một thế hệ mới, thế hệ tuổi từ 20 đến trên dưới 30 như trên đã nói, được xem là thế hệ @ trên khắp các lĩnh vực khoa học và nghệ thuật. Là người chứng kiến và có tham gia ít nhiều vào hành trình văn học của thế kỷ XX đã qua, chúng tôi rất khao khát được thấy sự xuất hiện của họ trong tư cách một đội ngũ vừa tinh anh, vừa hùng hậu, rất khác nhau trong phong cách mà vẫn không nhòa mờ một khát vọng

chung của Nhân dân, của Dân tộc; và một gương mặt chung in đậm tinh thần và dấu ấn thời đại.

4. Kết luận

Văn học Việt Nam từ Đổi mới đến Hội nhập là một tiến trình vận động phức tạp, gắn liền với những biến động lớn của lịch sử dân tộc và thời đại. Từ sự “thức tỉnh” mạnh mẽ cuối thập niên 1980 đến những tìm tòi đa dạng của các thế hệ sau 1995, văn học đã mở rộng biên độ phản ánh hiện thực, khẳng định vai trò của cái riêng cá tính và từng bước tiếp cận tinh thần toàn cầu hóa. Tuy nhiên, sự tiếp nối thế hệ vẫn đặt ra nhiều trăn trở, nhất là việc hình thành một đội ngũ sáng tác trẻ đủ bản lĩnh, đủ chiều sâu để tạo nên những “mùa gặt lớn” mới của văn học. Trong bối cảnh công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và không gian sáng tạo mở rộng chưa từng có, sứ mệnh ấy đang được trao vào tay thế hệ viết trẻ hôm nay. Tương lai của văn học Việt Nam vì thế vừa mở ra nhiều cơ hội hấp dẫn, vừa đòi hỏi một khát vọng sáng tạo gắn bó bền chặt với Nhân dân, Dân tộc và tinh thần thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các văn kiện Đại hội Đảng, từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIV (2026).
- Eric Schmidt & Jared Cohen (2014), *Sống sao trong thời đại số*, NXB Trẻ
- Hồ Chí Minh (1917), *Về công tác văn hóa văn nghệ*, NXB Sự Thật
- Phong, L. (2019), *10 thế kỉ văn học Việt Nam* (Song ngữ Anh – Việt), Hội Nhà văn.
- Thomas L.friedman (2014), *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ

